

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-03-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa L.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Tô Hoàng V;

Ông: Nguyễn Chí C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh V là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26/02/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lương Thị Diệu H, *sinh năm:* 1992. (có mặt)

Địa chỉ: 293, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Phan Văn B, *sinh năm* 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: 370/TĐ, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018 nguyên đơn Lương Thị Diệu H trình bày: Vào năm 2010 chị H và anh B tổ chức đám, có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện L, tỉnh Đ ngày 07/8/2015. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và anh B đã xúc phạm, ghen tuông chị H. Vì thế mà chị H đã bỏ về cha mẹ ruột sống từ tháng 8 năm

2018 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn thương anh B nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có hai người con chung tên Phan Thị Hồng V, sinh ngày 15/11/2011, Phan Triệu V, sinh ngày 18/01/2016, hiện hai con chung đang sống với anh B. Chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh B được nuôi dưỡng, Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi người là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định của Nhà nước.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 14/12/2018 Phan Thị Hồng V có nguyện vọng được sống chung với anh B.

- Tại biên bản hòa giải ngày 11/01/2019 anh Phan Văn B trình bày: Vợ chồng có đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị H trình bày mà nguyên nhân vợ chồng có cự cãi là do chị H thường xuyên bỏ nhà đi nên khi chị H về anh B mới có nói qua lại với chị H chứ không có ghen tuông xúc phạm gì chị H. Nay anh B còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án cho ly hôn, anh B yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh B không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Lương Thị Diệu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Lương Thị Diệu H với anh Phan Văn B và anh B có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Phan Văn B đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bị đơn Phan Văn B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Lương Thị Diệu H và anh Phan Văn B tổ chức đám cưới vào năm 2010 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định là ngày 07/8/2015, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không chăm sóc lẫn nhau cho nên chị H và anh B đã xa nhau từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương anh B, không thể tiếp tục sống chung với anh B nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B trình bày còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ hai vào ngày 15/3/2019 nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh B không có thiện chí để hàn gắn cuộc hôn nhân này với chị H. Còn về phía chị H, mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải động viên chị hàn gắn về sống chung với anh B nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh B là trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt nên thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Lương Thị Diệu H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị H đồng ý giao hai con chung tên Phan Thị Hồng V, sinh ngày 15/10/2011 và Phan Triệu V, sinh ngày 18/01/2016 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, ý kiến này của chị H được anh B đồng ý và cũng phù hợp với tờ tường trình của Phan Thị Hồng V có nguyện vọng được sống với anh B. Còn Phan Triệu V từ khi chị H và anh B xa nhau anh B là người chăm sóc nuôi cháu V vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Cho nên cần giao hai con chung Phan Thị Hồng V và Phan Triệu V cho anh B được trực tiếp nuôi là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng: Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi người là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật. Sự tự nguyện này của chị H là không trái đạo đức và quy định của pháp luật, hơn nữa việc giao hai con cho anh B nuôi dưỡng để đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển của hai con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi người là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật. Điều này phù hợp với Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn Lương Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình và cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4

Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lương Thị Diệu H được ly hôn với anh Phan Văn B.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Anh Phan Văn B được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thị Hồng V, sinh ngày 15/10/2011 và Phan Triệu V, sinh ngày 18/01/2016, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi người con là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 cho đến khi Phan Thị Hồng V, Phan Triệu V đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn B cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Lương Thị Diệu H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Lương Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Lương Thị Diệu H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002505, ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Chị Lương Thị Diệu H phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/3/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa L